



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào  
ngày 30 tháng 6 năm 2015**





## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

#### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

#### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011	-
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008	26/5/2015
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	11/4/2011	26/5/2015
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên	24/4/2014	-
Ông Đỗ Thành Khiêm	Thành viên	26/5/2015	-
Ông Ngô Thanh Quyền	Thành viên	26/5/2015	-

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thủy	Trưởng ban	11/4/2011	-
Bà Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên	11/4/2011	26/5/2015
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên	13/6/2009	-
Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên	26/5/2015	-

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004	-
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009	-
Bà Nguyễn Thanh Loan	Phó Tổng Giám đốc	15/4/2015	-
Bà Nguyễn Thị Phước Diên	Kế toán trưởng	02/11/2012	18/6/2015
Ông Huỳnh Tiến Liễu	Kế toán trưởng kiểm Giám đốc tài chính	07/8/2015	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

### 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm tại chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY**

**CỔ PHẦN**

**ĐẠI THIÊN LỘC**

**TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG**

**NGUYỄN THANH NGHĨA**



Số: 16.166/BCSX-DTL

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và bản thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 37 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.2. trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn của thông tư này nên một số số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại như được nêu tại mục 4.26. của Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Ý kiến soát xét của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**  
**KI TÔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LỤC THỊ VÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0172-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1191-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>830.076.148.854</b>	<b>927.817.020.559</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>29.563.039.048</b>	<b>51.103.593.185</b>
1. Tiền	111		7.763.039.048	22.916.753.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.800.000.000	28.186.840.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>66.449.000.000</b>	<b>13.484.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		66.449.000.000	13.484.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>654.895.104.012</b>	<b>581.333.291.104</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	636.121.265.893	567.204.480.116
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.680.149.460	1.762.001.370
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	13.332.459.389	22.605.580.183
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(10.360.051.150)	(10.360.050.985)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		121.280.420	121.280.420
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>72.789.954.391</b>	<b>200.553.536.068</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	73.842.235.487	201.542.447.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.6	(1.052.281.096)	(988.911.925)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.379.051.403</b>	<b>81.342.600.202</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.730.307	13.541.669
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.375.859.096	81.327.596.533
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.462.000	1.462.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>764.393.171.625</b>	<b>760.309.088.416</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>36.021.231.403</b>	<b>27.218.920.903</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	36.021.231.403	27.218.920.903
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>79.957.849.617</b>	<b>85.032.710.704</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	23.666.935.886	28.021.854.165
Nguyên giá	222		80.618.145.581	83.509.059.011
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.951.209.695)	(55.487.204.846)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	56.290.913.731	57.010.856.539
Nguyên giá	228		62.961.546.808	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.670.633.077)	(5.950.690.269)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.7	<b>3.114.097.504</b>	<b>2.754.868.159</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.114.097.504	2.754.868.159
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>645.295.378.919</b>	<b>645.295.378.919</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		646.194.000.000	646.194.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		68.477.795	68.477.795
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(967.098.876)	(967.098.876)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.614.182</b>	<b>7.209.731</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.614.182	7.209.731
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.594.469.320.479</b>	<b>1.688.126.108.975</b>

(Xem tiếp trang sau)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>820.753.087.504</b>	<b>903.100.707.796</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>820.288.087.504</b>	<b>902.064.707.796</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	261.038.903.852	310.531.253.765
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.365.528.062	4.932.080.829
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	11.866.343.962	8.690.086.620
4. Phải trả người lao động	314		375.085.403	354.706.669
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		503.416.367	685.781.401
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	52.268.119.765	43.932.919.274
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	401.403.443.924	530.129.177.897
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		467.246.169	2.808.101.341
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>465.000.000</b>	<b>1.036.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	465.000.000	1.036.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	5.14	<b>773.716.232.975</b>	<b>785.025.401.179</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>773.716.232.975</b>	<b>785.025.401.179</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.764.683.540	160.764.683.540
3. Cổ phiếu quỹ	415		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.284.479.534	26.956.805.237
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.512.121.366	2.512.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.437.594.119	39.074.436.620
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		38.519.157.745	41.396.480.885
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.081.563.626)	(2.322.044.265)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.594.469.320.479</b>	<b>1.688.126.108.975</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT

*Lê Ngọc Khang*

*Huỳnh Tiến Liều*



LÊ NGỌC KHANG

HUYỄN TIẾN LIỀU

NGUYỄN THANH NGHĨA

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.130.079.971.488	1.306.198.539.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	10.849.824
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.130.079.971.488	1.306.187.689.288
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.110.916.737.650	1.288.662.536.127
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.163.233.838	17.525.153.161
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	21.123.255.683	17.116.907.841
7. Chi phí tài chính	22	6.4	25.190.137.918	17.116.387.843
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.582.817.230</i>	<i>13.838.576.316</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	6.869.975.924	7.373.714.572
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.560.577.365	8.917.994.759
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(334.201.686)	1.233.963.828
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.259.688.634	457.042.071
12. Chi phí khác	32	6.8	11.732.290.332	1.172.679.544
13. Lợi nhuận khác	40		(10.472.601.698)	(715.637.473)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.806.803.384)	518.326.355
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	274.760.242	251.801.014
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.081.563.626)	266.525.341

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ NGỌC KHANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỠNH TIẾN LIỂU

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT



NGUYỄN THANH NGHĨA



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(10.806.803.384)	518.326.355
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		3.915.175.815	4.456.264.998
Các khoản dự phòng	03		63.369.336	(52.656.204)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.368.554.410	3.062.882.375
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(706.353.183)	(3.010.895.107)
Chi phí lãi vay	06		12.582.817.230	13.838.576.316
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>10.416.760.224</b>	<b>18.812.498.733</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.280.934.941)	(112.808.765.419)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		127.700.212.506	(28.349.099.470)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(42.876.721.465)	(68.716.969.617)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		14.406.911	(38.578.721)
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.765.182.264)	(14.122.020.662)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.436.737.246)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.568.459.750)	(143.866.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>72.640.081.221</b>	<b>(206.803.538.702)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(359.229.345)	(127.600.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.427.000.000	1.750.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(56.759.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.794.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(118.300.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		439.038.455	2.610.348.432
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(51.458.190.890)</b>	<b>4.114.448.432</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	66.087.570.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	639.305.543.398	705.391.192.923
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(682.075.739.467)	(643.110.591.498)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(42.770.196.069)</b>	<b>128.368.171.425</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(21.588.305.738)</b>	<b>(74.320.918.845)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>51.103.593.185</b>	<b>84.966.022.076</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		47.751.601	(202.557.284)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>29.563.039.048</b>	<b>10.442.545.947</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bình Dương, ngày 28 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI DUYỆT



LÊ NGỌC KHANG



HUỲNH TIẾN LIỀU

  
NGUYỄN THANH NGHĨA

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 – DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 43 (31/12/2014: 46).

##### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và mua bán sắt thép.

##### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Ngành nghề sản xuất chính của Công ty là:
  - + Sản xuất thép cán nóng (P/O), thép cán nguội (C/R), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu (tôn mạ màu), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gò thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gò.
  - + Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng. Sản xuất tấm lợp các loại.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:
  - + Mua bán sắt thép các loại.
  - + Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
  - + Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
  - + Mua bán nông sản.
  - + Mua bán vỏ, ruột xe.
  - + Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
  - + Xây dựng nhà các loại.
  - + Thi công hệ thống điện công trình.
  - + Thi công hệ thống nước công trình.
  - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- + Đúc sắt, thép.
- + Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- + Chế biến nông sản.
- + Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- + Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- + Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- + Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con:</b>				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 6 năm 2015 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Đà Nẵng	Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	Số 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
Chi nhánh Cơ Khí	Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Long Mỹ	79A Trần Hưng Đạo, Ấp 1, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
Chi nhánh Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc	Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vinh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh tại Huyện Bình Chánh	Số 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh tại huyện Dĩ An	Số 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank).
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

#### **4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới**

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.26.

#### **4.3. Thay đổi chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới như được nêu tại mục 4.2.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **4.4. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.5. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### **4.7. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **4.8. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

#### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **4.9. Tài sản cố định hữu hình**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

### 4.10. Tài sản cố định vô hình

#### *Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

##### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### 4.11. Thuê tài sản

#### *Phân loại thuê tài sản*

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### *Thuê hoạt động*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

### 4.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 4.13. Đầu tư tài chính

#### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

### **Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

#### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

### **Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính**

#### *Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

#### **4.14. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### **4.15. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay và các chi phí khác được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thông kê kinh nghiệm.

#### **4.16. Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

### ***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **4.17. Doanh thu, thu nhập khác**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

##### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

#### **4.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### **4.20. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **4.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

### **4.22. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **4.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **4.24. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất 10%.

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **4.25. Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.26. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

##### Bảng cân đối kế toán (Trích)

	<b>Đầu năm</b> (Được báo cáo lại)	<b>VND</b> <b>Đầu năm</b> (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	22.605.580.183	5.463.992.407
Tài sản ngắn hạn khác	-	17.262.868.196
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	-

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Các khoản mục	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng, cầm cố, ký quỹ	Trình bày là phải thu khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn
Tài sản thiếu chờ xử lý	Trình bày là tài sản thiếu chờ xử lý	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác

##### Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	<b>Kỳ trước</b> (Được báo cáo lại)	<b>VND</b> <b>Kỳ trước</b> (Đã được báo cáo trước đây)
Thu nhập khác	457.042.071	1.806.495.396
Chi phí khác	1.172.679.544	2.522.132.869

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Các khoản mục	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	Trình bày theo thu nhập thuần	Trình bày tách biệt là thu nhập khác và chi phí khác



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tiền mặt	1.711.708.285	343.473.018
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.051.330.763	22.573.280.167
Các khoản tương đương tiền	21.800.000.000	28.186.840.000
<b>Cộng</b>	<b><u>29.563.039.048</u></b>	<b><u>51.103.593.185</u></b>

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với số tiền là - 21.800.000.000 VND được dùng để đảm bảo khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.13.

#### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn:					
Tiền gửi có kỳ hạn	66.449.000.000	66.449.000.000	13.484.000.000	13.484.000.000	

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 6 tháng với số tiền là 63.959.000.000 VND được dùng để đảm bảo khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.13.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con:					
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	637.000.000.000	-	-	637.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	(967.098.876)	-	9.194.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>646.194.000.000</b>	<b>(967.098.876)</b>	<b>-</b>	<b>646.194.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào đơn vị khác:					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	68.477.795	-	107.884.800	68.477.795	77.542.200
<b>Cộng</b>	<b>68.477.795</b>	<b>-</b>	<b>107.884.800</b>	<b>68.477.795</b>	<b>77.542.200</b>
<b>Đầu tư vào công ty con:</b>					
					<b>77.542.200</b>

Đầu tư vào công ty con:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2014 vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 637.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số vốn Công ty đã đầu tư là 637.000.000.000 VND, đạt 100% vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc là 15.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 9.194.000.000 VND, tương đương 61,29% vốn điều lệ. Theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 02 tháng 10 năm 2013 Công ty đã quyết định chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc để tái cơ cấu toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con này.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.3. Phải thu của khách hàng**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
			VND	
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:				
Các khách hàng chiếm tỷ trọng dưới 10% trên tổng số phải thu	41.832.870.695		111.838.001.250	
<b>Cộng</b>	<u>41.832.870.695</u>		<u>111.838.001.250</u>	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan:				
- Xem thêm mục 9.				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	573.310.086.171		454.719.040.388	
Công Ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	20.330.870.549		-	
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	647.438.478		647.438.478	
<b>Cộng</b>	<u>594.288.395.198</u>		<u>455.366.478.866</u>	
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>636.121.265.893</b></u>		<u><b>567.204.480.116</b></u>	
Phải thu dài hạn của khách hàng là các bên liên quan:				
- Xem thêm mục 9.				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	36.021.231.403		27.218.920.903	
<b>Cộng</b>	<u><b>36.021.231.403</b></u>		<u><b>27.218.920.903</b></u>	

**5.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về việc chi hộ, cho mượn – Xem thêm mục 9.	1.391.000	-	785.134.730	-
Thuế GTGT chờ được hoàn	122.067.083	-	122.067.083	-
Thuế Giá trị gia tăng chờ khấu trừ	-	-	1.078.304.629	-
Tiền cho công nhân viên vay	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	115.465.826	-	193.730.698	-
Tạm ứng	1.715.120.136	-	3.979.025.309	-
Cầm cố, ký quỹ	8.021.186.269	-	13.162.562.467	-
Phải thu khác	2.857.229.075	(1.338.493.156)	2.784.755.267	(1.338.493.156)
<b>Cộng</b>	<u><b>13.332.459.389</b></u>	<u><b>(1.838.493.156)</b></u>	<u><b>22.605.580.183</b></u>	<u><b>(1.838.493.156)</b></u>

**5.5. Nợ xấu**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	10.460.818.140	100.766.990	10.597.812.638	237.761.653

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Công ty TNHH SX TM Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 3 năm	2.896.315.858	-	Trên 3 năm	
Các khách hàng khác	7.564.502.282	100.767.155	Trên 2 năm	7.701.496.780	237.761.653	Trên 2 năm	
<b>Cộng</b>	<b>10.460.818.140</b>	<b>100.767.155</b>		<b>10.597.812.638</b>	<b>237.761.653</b>		

**5.6. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	2.335.551.136	-	122.602.477.651	(284.477.734)	
Công cụ, dụng cụ	4.042.444.369	-	3.753.598.913	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.218.338.624	-	59.885.549	-	
Thành phẩm	22.227.819.956	(146.895.866)	19.494.081.173	(35.030.171)	
Hàng hóa	44.018.081.402	(905.385.230)	55.632.404.707	(669.404.020)	
<b>Cộng</b>	<b>73.842.235.487</b>	<b>(1.052.281.096)</b>	<b>201.542.447.993</b>	<b>(988.911.925)</b>	

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 57.690.421.363 VND – Xem thêm mục 5.13.

Việc trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá trị thuần có thể thực hiện giảm thêm so với giá gốc.

**5.7. Tài sản dở dang dài hạn**

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
Xây dựng cơ bản dở dang:					
Công trình văn phòng, nhà xưởng		850.649.152		655.419.807	
Máy móc, dây chuyền sản xuất		473.724.525		473.724.525	
Hệ thống phần mềm		410.000.000		246.000.000	
Sửa chữa		1.379.723.827		1.379.723.827	
<b>Cộng</b>		<b>3.114.097.504</b>		<b>2.754.868.159</b>	

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quân lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	17.168.175.072	47.170.049.853	18.611.890.808	558.943.278	83.509.059.011
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.675.913.430)	-	(215.000.000)	(2.890.913.430)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.168.175.072</b>	<b>44.494.136.723</b>	<b>18.611.890.808</b>	<b>343.942.978</b>	<b>80.618.145.581</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	9.420.955.510	33.301.796.657	12.302.955.529	461.497.150	55.487.204.846
Khấu hao trong kỳ	451.190.274	1.595.713.907	1.132.685.097	15.643.729	3.195.233.007
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.598.030.257)	-	(133.197.901)	(1.731.228.158)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.872.145.784</b>	<b>33.299.480.307</b>	<b>13.435.640.626</b>	<b>343.942.978</b>	<b>56.951.209.695</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	7.747.219.562	13.868.253.196	6.308.935.279	97.446.128	28.021.854.165
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>7.296.029.288</b>	<b>11.194.656.416</b>	<b>5.176.250.182</b>	<b>-</b>	<b>23.666.935.886</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 424.631.821 VND – Xem thêm mục 5.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 21.732.417.167 VND.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, để bảo lãnh cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 1.920.556.818 VND – Xem thêm mục 9.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>62.870.247.808</b>	<b>91.299.000</b>	<b>62.961.546.808</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	5.882.216.032	68.474.237	5.950.690.269
Khấu hao trong kỳ	714.236.622	5.706.186	719.942.808
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.596.452.654</b>	<b>74.180.423</b>	<b>6.670.633.077</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	56.988.031.776	22.824.763	57.010.856.539
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>56.273.795.154</b>	<b>17.118.577</b>	<b>56.290.913.731</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 6.873.258.724 VND – Xem thêm mục 5.13.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, để bảo lãnh cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 45.139.800.100 VND – Xem thêm mục 9.

**5.10. Phải trả người bán**

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	Ngắn hạn:				
Công ty TNHH Posco – Việt Nam	35.618.520.975	35.618.520.975	292	292	
Công ty Pos-Sea Pte	87.181.955.408	87.181.955.408	100.145.946.779	100.145.946.779	
Công ty Hyundai Corporation	37.052.557.869	37.052.557.869	58.928.238.729	58.928.238.729	
Công ty Future Materials Industry	49.743.986.510	49.743.986.510	-	-	
Phải trả cho các đối tượng khác	45.665.903.490	45.665.903.490	145.065.129.187	145.065.129.187	
<b>Cộng</b>	<b>255.262.924.252</b>	<b>255.262.924.252</b>	<b>304.139.314.987</b>	<b>304.139.314.987</b>	
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên có liên quan – Xem thêm mục 9.					
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	5.775.979.600	5.775.979.600	6.391.938.778	6.391.938.778	
<b>Cộng</b>	<b>5.775.979.600</b>	<b>5.775.979.600</b>	<b>6.391.938.778</b>	<b>6.391.938.778</b>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>261.038.903.852</b>	<b>261.038.903.852</b>	<b>310.531.253.765</b>	<b>310.531.253.765</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	VND	
					Cuối kỳ
Phải nộp:					
Thuế giá trị gia tăng	-	24.127.403.762	24.127.403.762	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	8.277.781.978	2.903.530.778	-	11.181.312.756	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.086.243	274.760.242	-	377.846.485	
Thuế thu nhập cá nhân	309.218.399	5.813.735	7.847.413	307.184.721	
<b>Cộng</b>	<b>8.690.086.620</b>	<b>27.311.508.517</b>	<b>24.135.251.175</b>	<b>11.866.343.962</b>	

**5.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	70.688.612
Bảo hiểm xã hội	12.710.242	38.487.536
Bảo hiểm y tế	17.455.126	9.894.949
Bảo hiểm thất nghiệp	3.802.422	101.632
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Thu hộ tiền hàng	1.797.054.897	1.627.054.897
Tiền mượn	46.676.980.379	36.255.125.283
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.607.379.199	5.778.828.865
<b>Cộng</b>	<b>52.268.119.765</b>	<b>43.932.919.274</b>

Trong khoản phải trả ngắn hạn có khoản phải trả cho các bên có liên quan với số tiền là 48.573.882.163 VND – Xem thêm mục 9.

(Xem tiếp trang sau)

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CNS, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

#### 5.13. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	491.307.443.924	491.307.443.924	642.778.405.494	681.480.739.467	530.009.777.897	530.009.777.897	
Vay dài hạn đến hạn trả	96.000.000	96.000.000	36.000.000	60.000.000	120.000.000	120.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>491.403.443.924</b>	<b>491.420.226.027</b>	<b>642.814.405.494</b>	<b>681.540.739.467</b>	<b>530.129.777.897</b>	<b>530.129.777.897</b>	

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 7,0% đến 8,5%/năm đối với VND và từ 2,5% đến 5,05% đối với USD. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định vô hình và tài sản của bên có liên quan - Xem thêm mục 5.1., 5.2., 5.6., 5.8., 5.9. và mục 9.

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn							
Từ 1 năm trở xuống	96.000.000	96.000.000	36.000.000	60.000.000	120.000.000	120.000.000	
Trên 1 năm đến 5 năm	465.000.000	465.000.000	-	571.000.000	1.036.000.000	1.036.000.000	
	561.000.000	561.000.000	36.000.000	631.000.000	1.156.000.000	1.156.000.000	
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(96.000.000)	(96.000.000)	(36.000.000)	(60.000.000)	(120.000.000)	(120.000.000)	
<b>Số phải trả trên 1 năm</b>	<b>465.000.000</b>	<b>465.000.000</b>	<b>-</b>	<b>571.000.000</b>	<b>1.036.000.000</b>	<b>1.036.000.000</b>	

Các khoản vay đối với các bên liên quan là khoản vay dài hạn trên 1 năm của ông Nguyễn Thanh Nghĩa có thời gian 28 tháng dưới hình thức tín chấp với lãi suất 0% - Xem thêm mục 9.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.14. Vốn chủ sở hữu****5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	501.356.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	26.017.792.309	2.479.121.366	89.890.471.570	721.961.883.201
Tăng vốn do phát hành cổ phần	66.087.570.000	(94.250.000)	-	-	-	-	65.999.970.000
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phần	46.907.570.000	-	-	-	-	(46.907.570.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	266.525.341	266.525.341
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	939.012.928	84.000.000	(1.023.012.928)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(563.407.757)	(563.407.757)
Chi quỹ	-	-	-	-	(51.000.000)	-	(51.000.000)
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2014	614.356.040.000	160.758.033.540	(58.638.685.584)	26.956.805.237	2.512.121.366	41.663.006.226	787.607.320.785
Lợi nhuận trong kỳ	-	6.650.000	-	-	-	(2.588.569.606)	(2.588.569.606)
Khác	-	-	-	-	-	-	6.650.000
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	26.956.805.237	2.512.121.366	39.074.436.620	785.025.401.179
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(11.081.563.626)	(11.081.563.626)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	327.674.297	31.000.000	(358.674.297)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(196.604.578)	(196.604.578)
Chi quỹ	-	-	-	-	(31.000.000)	-	(31.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>614.356.040.000</b>	<b>160.764.683.540</b>	<b>(58.638.685.584)</b>	<b>27.284.479.534</b>	<b>2.512.121.366</b>	<b>27.437.594.119</b>	<b>773.716.232.975</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Là vốn góp của các cổ đông.

### 5.14.3. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.863.162	61.863.162
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	3.227.840	3.227.840
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	58.207.764	58.207.764

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

### 5.14.4. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần

Công ty không trình bày chỉ tiêu này vì theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" do Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất nên chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### 5.14.5. Các quỹ của doanh nghiệp

		VND
	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	26.956.805.237	2.512.121.366
Trích trong kỳ	327.674.297	31.000.000
Chi trong kỳ	-	(31.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>27.284.479.534</b>	<b>2.512.121.366</b>

### 5.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	9.849,37	556.746,02
EUR	100,26	100,27
		VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.812.487.702	1.812.487.702

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng	1.034.047.035.831	1.136.710.647.655
Doanh thu bán thành phẩm	96.032.935.657	169.487.891.457
<b>Cộng</b>	<b>1.130.079.971.488</b>	<b>1.306.198.539.112</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 9.		
Công ty TNHH SX TM Thép Đại Thiên Lộc	781.358.199.390	933.957.490.250
Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức	18.482.609.590	-
<b>Cộng</b>	<b>799.840.808.980</b>	<b>933.957.490.250</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.019.533.946.288	1.124.188.138.404
Giá vốn của thành phẩm đã bán	91.319.422.191	164.608.327.946
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	63.369.171	(133.930.223)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.110.916.737.650</u></b>	<b><u>1.288.662.536.127</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	439.038.455	2.603.943.432
Lãi đầu tư chứng khoán	-	259.626.549
Lãi bán hàng trả chậm – Xem thêm mục 9.	20.220.324.452	13.789.016.750
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	463.892.776	457.916.110
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.405.000
<b>Cộng</b>	<b><u>21.123.255.683</u></b>	<b><u>17.116.907.841</u></b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	12.582.817.230	13.838.576.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.238.766.278	214.302.408
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.368.554.410	3.062.882.375
Chi phí tài chính khác	-	1.889.195
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(1.262.451)
<b>Cộng</b>	<b><u>25.190.137.918</u></b>	<b><u>17.116.387.843</u></b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	685.430.340	691.670.989
Chi phí vật liệu, bao bì	102.299.075	227.702.852
Chi phí công cụ, dụng cụ	17.251.669	27.049.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.669.206	57.169.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.925.533	118.125.766
Chi phí hàng xuất khẩu	5.863.400.101	6.251.996.314
<b>Cộng</b>	<b><u>6.869.975.924</u></b>	<b><u>7.373.714.572</u></b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.309.383.674	1.553.163.032
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	474.598.709	333.538.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định	863.895.707	971.810.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.456.871.107	2.037.281.312
Chi phí khác	2.455.828.168	3.939.664.664
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	82.536.470
<b>Cộng</b>	<b><u>8.560.577.365</u></b>	<b><u>8.917.994.759</u></b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**6.7. Thu nhập khác**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	267.314.728	400.546.675
Thu nhập khác	992.373.906	56.495.396
<b>Cộng</b>	<b>1.259.688.634</b>	<b>457.042.071</b>

**6.8. Chi phí khác**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	8.683.022.239	2.856.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	2.995.610.902	1.164.192.881
Chi phí khác	53.657.191	5.630.152
<b>Cộng</b>	<b>11.732.290.332</b>	<b>1.172.679.544</b>

**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.192.600.035	158.707.950.692
Chi phí nhân công	2.859.441.854	3.804.373.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	919.564.913	3.292.072.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.034.742.456	7.309.769.759
Chi phí khác	10.545.846.496	8.444.752.302
<b>Cộng</b>	<b>96.552.195.754</b>	<b>181.558.918.065</b>

**6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	274.760.242	251.801.014
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>274.760.242</b>	<b>251.801.014</b>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(10.806.803.384)	518.326.355
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	13.645.758.682	675.509.920
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(955.263.678)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	1.883.691.620	1.193.836.275
Chuyển lỗ	634.781.431	-
Thu nhập tính thuế sau chuyển lỗ	1.248.910.189	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	15%, 22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	274.760.242	262.643.980
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	-	(10.842.966)
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ</b>	<b>274.760.242</b>	<b>251.801.014</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.





## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	639.305.543.398	705.391.192.923	VND
---	-----------------	-----------------	-----

#### 7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(682.075.739.467)	(643.110.591.498)	VND
--	-------------------	-------------------	-----

### 8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì báo cáo bộ phận chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

#### Danh sách các bên liên quan

1. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc
2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
3. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL
4. Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức
5. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre
6. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

#### Mối quan hệ

- |  |   |
|--|---|
| 1. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc              | Công ty con                                   |
| 2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc             | Công ty con                                   |
| 3. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL             | Công ty liên kết                              |
| 4. Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức              | Cổ đồng lớn                                   |
| 5. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre | Cổ đồng lớn                                   |
| 6. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa                          | Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| 7. Bà Nguyễn Thị Bích Liên                         | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị                |
| 8. Bà Nguyễn Thanh Dung                            | Quan hệ ruột thịt với BGD và HĐQT             |
| 9. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc | Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan        |

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm	VND
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.3.			
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	573.310.086.171	454.719.040.388	
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	647.438.478	647.438.478	
Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức	20.330.870.549	-	
<b>Cộng</b>	<b>594.288.395.198</b>	<b>455.366.478.866</b>	
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.4.			
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	1.391.000	785.134.730	VND
<b>Cộng</b>	<b>1.391.000</b>	<b>785.134.730</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu dài hạn – Xem thêm mục 5.3. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc <b>Cộng</b>	36.021.231.403 <u><b>36.021.231.403</b></u>	27.218.920.903 <u><b>27.218.920.903</b></u>
Phải trả người bán - Xem thêm mục 5.10. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc <b>Cộng</b>	(5.775.979.600) <u><b>(5.775.979.600)</b></u>	(6.391.938.778) <u><b>(6.391.938.778)</b></u>
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.12. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc Ông Nguyễn Thanh Nghĩa <b>Cộng</b>	(43.835.301.129) (1.627.054.884) (99.846.900) (3.011.679.250) <u><b>(48.573.882.163)</b></u>	(36.255.125.283) (1.627.054.897) (99.846.900) - <u><b>(37.982.027.080)</b></u>
Vay – Xem thêm mục 5.13. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa <b>Cộng</b>	(465.000.000) <u><b>(465.000.000)</b></u>	(1.000.000.000) <u><b>(1.000.000.000)</b></u>
▪ Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:		
Bán hàng – Xem thêm mục 6.1. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức <b>Cộng</b>	Kỳ này 781.358.199.390 18.482.609.590 <u><b>799.840.808.980</b></u>	VND Kỳ trước 933.957.490.250 - <u><b>933.957.490.250</b></u>
Mua hàng Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức <b>Cộng</b>	Kỳ này 476.160.501.234 - <u><b>476.160.501.234</b></u>	VND Kỳ trước 682.937.404.153 50.315.880.000 <u><b>733.253.284.153</b></u>
Lãi thanh lý tài sản cố định Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Kỳ này 267.314.728	VND Kỳ trước -
Lãi bán hàng trả chậm – Xem thêm mục 6.3. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Kỳ này 20.220.324.452	VND Kỳ trước 13.789.016.750
Mượn tiền Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Kỳ này 3.011.679.250	VND Kỳ trước -


  
 38  
 N  
 P  
 H  
 M

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có đảm bảo và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cầm trả công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn và cho mượn không chịu lãi suất. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 0%.

Trong kỳ, Công ty có bán hàng trả chậm cho các bên liên quan với lãi suất 6 tháng đầu năm là 7,28%/năm (kỳ trước là 3,63%/năm).

- Cam kết bảo lãnh

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá trị bảo lãnh và thế chấp cho các bên có liên quan - Xem thêm mục 5.8. và 5.9. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	47.060.356.918	47.761.510.582

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá trị được bảo lãnh, thế chấp từ các bên có liên quan - Xem thêm mục 5.13. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	625.722.075.247	739.031.000.000

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá trị được bảo lãnh, thế chấp từ cá nhân có liên quan - Xem thêm mục 5.13. Các cá nhân liên quan đến Công ty	149.064.400.000	149.064.400.000

(\*) Các khoản vay ngân hàng cũng được đảm bảo bằng tài sản của bên liên quan với giá trị theo biên bản định giá.

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	31.000.000	51.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	127.702.100	115.660.900
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác	-	170.079.700
<b>Cộng</b>	<b>158.702.100</b>	<b>336.740.600</b>

### 10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có kỳ hạn là 05 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	72.000.000	72.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	144.000.000	144.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	264.000.000	336.000.000
<b>Cộng</b>	<b>408.000.000</b>	<b>480.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 11. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- **Rủi ro tín dụng:** Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- **Rủi ro thị trường:** Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

- + Rủi ro lãi suất
- + Rủi ro tiền tệ
- + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	01/01/2015
<b>Tài sản tài chính:</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.563.039.048	51.103.593.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	665.141.066.221	588.133.240.031
Đầu tư ngắn hạn khác	66.449.000.000	13.484.000.000
Đầu tư dài hạn khác	68.477.795	68.477.795
<b>Cộng</b>	<b>761.221.583.064</b>	<b>652.789.311.011</b>
<b>Công nợ tài chính:</b>		
Các khoản vay	491.868.443.924	531.165.777.897
Phải trả người bán và phải trả khác	312.872.723.986	354.192.262.810
Chi phí phải trả	503.416.367	685.781.401
<b>Cộng</b>	<b>805.244.584.277</b>	<b>886.043.822.108</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**Rủi ro tín dụng**

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	30/6/2015	01/01/2015
Tiền và tương đương tiền	29.563.039.048	51.103.593.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	665.141.066.221	588.133.240.031
<b>Cộng</b>	<b>694.704.105.269</b>	<b>639.236.833.216</b>

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ	Nợ phải trả	Cộng
Dưới 01 năm	491.403.443.924	312.872.723.982	804.276.167.906
Từ 1 – 3 năm	465.000.000	-	465.000.000
<b>Số dư ngày 30/6/2015</b>	<b>491.868.443.924</b>	<b>312.872.723.982</b>	<b>804.741.167.906</b>

	Vay và nợ	Nợ phải trả	Cộng
Dưới 01 năm	530.129.777.897	354.192.262.810	748.264.971.558
Từ 1 – 3 năm	1.036.000.000	-	1.036.000.000
<b>Số dư ngày 01/01/2015</b>	<b>531.165.777.897</b>	<b>354.192.262.810</b>	<b>749.300.971.558</b>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất thả nổi	491.403.443.924	530.129.777.897
Không chịu lãi suất	465.000.000	1.000.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### *Phân tích độ nhạy cảm*

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 3.832.868.483 VND (2014: 4.168.135.693 VND).

### *Rủi ro ngoại tệ*

Công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chịu rủi ro về USD do doanh thu bán hàng tại nước ngoài có giá trị lớn. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Các hoạt động ở nước ngoài của Công ty được tài trợ một phần bởi các khoản vay theo đồng nội tệ và phần vốn được phòng ngừa rủi ro phần lớn bằng các khoản vay ngoại tệ dài hạn.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu thương mại và phải thu khác	Tiền và tương đương tiền	Cộng
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>			
Đô la Mỹ (USD)	852.373,70	9.849,37	862.223,07
Euro (EUR)	-	100,26	100,26
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>			
Đô la Mỹ (USD)	3.117.531,30	556.746,02	3.674.277,32
Euro (EUR)	-	100,26	100,26

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Các khoản vay	Phải trả thương mại và khác	Cộng
Đô la Mỹ (USD)	12.321.887,14	9.827.875,46	22.149.762,60
<b>Số dư 30/6/2015</b>			
Đô la Mỹ (USD)	15.857.614,67	13.483.929,53	29.341.544,20
<b>Số dư 01/01/2015</b>			

Để quản lý rủi ro ngoại tệ, Công ty đã ký các hợp đồng tiền tệ kỳ hạn.

### *Phân tích độ nhạy cảm*

Một khoản tăng/giảm 20% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và USD sẽ giảm/ tăng lợi nhuận sau thuế là 7.253.489.655 VND (2014: 8.556.748.094 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 20%) cho năm kết thúc vào ngày 31/12/2016 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối niên độ không phản ánh rủi ro trong suốt niên độ.

### 12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 13. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Do tái cơ cấu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh:

- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, 02 chi nhánh này vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

### 14. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 8 năm 2015.

Bình Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ NGỌC KHANG

HUYỀN TIẾN LIÊU

NGUYỄN THANH NGHĨA